

Bài báo nghiên cứu

KHÁT VỌNG BẢN NĂNG TRONG TẬP TRUYỆN NGƯỜI TỊ NẠN CỦA NGUYỄN THANH VIỆT

Phan Nguyễn Hoài Bảo

Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phan Nguyễn Hoài Bảo – Email: phng.hoaibao0211@gmail.com

Ngày nhận bài: 04-11-2025; ngày nhận bài sửa: 22-01-2026; ngày duyệt đăng: 03-02-2026

TÓM TẮT

Bài viết khảo sát khát vọng bản năng trong tập truyện Người tị nạn của Nguyễn Thanh Việt qua hệ thống chi tiết và cách miêu tả đời sống của người di dân. Từ bản năng sinh tồn, nhu cầu tình dục đến những biểu hiện bạo lực, tác phẩm cho thấy con người trong cảnh chiến tranh và lưu vong luôn bị giằng xé giữa tổn thương và khát vọng sống. Qua hệ thống nhân vật nhiều độ tuổi và nhiều hoàn cảnh, nhà văn cho thấy bản năng không phải sức đẩy mù quáng mà là nguồn lực giúp con người vượt qua ám ảnh chiến tranh và xây dựng lại cuộc sống. Bài viết khẳng định khát vọng bản năng chính là điểm tựa để nhân vật tìm lại phẩm giá và sự bền vững tinh thần trong môi trường lưu vong.

Từ khóa: khát vọng bản năng; văn học di dân; Nguyễn Thanh Việt; Người tị nạn

1. Mở đầu

Sự kiện lịch sử năm 1975 có tác động to lớn đến sự di cư của người Việt. Theo ước tính, số lượng người Việt tại Hoa Kỳ đã tăng vọt từ 125.000 người vào năm 1975 lên đến 200.000 người ngay trong giai đoạn hậu chiến, hình thành nên một dòng chảy văn học đặc thù bên ngoài biên giới quốc gia. Trong nỗ lực kiến tạo một hệ quy chiếu lý thuyết cho hiện tượng này, nhà nghiên cứu Trần Lê Hoa Tranh trong công trình *Văn học di dân phác thảo diện mạo nữ nhà văn Việt Nam tại Hoa Kỳ* đã đặt sự quan tâm và liệt kê một số thuật ngữ thường được sử dụng nhằm tìm ra cách gọi tên phù hợp nhất: “Danh từ văn chương/văn học di dân (emigrant literature/ literature of immigrant/ migration literature) thường được dùng để chỉ một mảng văn chương do những người di cư sáng tác xuất hiện ở Âu Mỹ từ trên 100 năm nay. Đi cùng với khái niệm văn học di dân còn một số khái niệm có nội hàm gần như tương đương hoặc hẹp hơn như sau: văn học/ văn chương hải ngoại (overseas literature), văn học/văn chương ngoài nước, văn học/văn chương lưu vong/lưu đày (literature of exile), văn học/văn chương thiểu số (minority/ethnic literature), văn học/văn chương dòng chính (mainstream literature)...” (Tran, 2019, p.23).

Cite this article as: Phan, N. H. B. (2026). Instinctive aspirations in Nguyễn Thanh Việt's *The Refugees*. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(2), 328-337. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.2.5349\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.2.5349(2026))

Trên nền tảng định danh đó, khi đi sâu vào bản chất nội tại, nhà nghiên cứu Thu Vũ (2021) trong bài viết “Văn học của người Việt ở hải ngoại: Tình thế của văn chương di dân” tiếp tục nhận diện “tình thế” của văn chương di dân là sự “khắc khoải giữa hai chiều không gian”. Đây là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời của văn học dân tộc nhưng mang đặc thù riêng biệt khi chủ thể sáng tạo luôn thường trực đối diện với những xung đột văn hóa gay gắt giữa kí ức phương Đông và thực tại phương Tây. Chính trạng thái lừng lợ, vô định giữa quê gốc và trú xứ đã biến những kí ức vụn gãy và nổi bất an hiện sinh thành chất liệu nghệ thuật chủ đạo của dòng văn học này (Thu Vũ, 2021). Đặt trong dòng chảy đó, Nguyễn Thanh Việt nổi lên như một đại diện tiêu biểu cho sự chuyển dịch hệ hình của văn học di dân đương đại. Là nhà văn Mỹ gốc Việt với giải thưởng Pulitzer danh giá năm 2016, ông được giới nghiên cứu quốc tế ghi nhận là tiếng nói đại diện xuất sắc của thế hệ 1.5. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Hồng Anh, thuật ngữ này dùng để chỉ những người rời quê hương từ khi còn nhỏ và trưởng thành tại Mỹ (Nguyen, 2024, p.65). Do đó, họ mang trong mình tâm thức lưỡng phân đặc thù về đề tài chiến tranh và hậu chiến, khác với thế hệ thứ nhất là “những nhà văn chủ yếu viết bằng tiếng Việt” (Nguyen, 2025, p.61), thường nặng lòng hoài niệm khôi phục hay thế hệ thứ hai là “con cái của những di dân, sinh ra và lớn lên tại Mỹ (Nguyen, 2025, p.61), đã Mỹ hóa hoàn toàn còn thế hệ 1.5 đứng ở ngưỡng cửa giao thoa và buộc phải liên tục thương thuyết để định vị bản thân. Đặt trong mạch vận động đó, tập truyện ngắn *Người tị nạn* (*The Refugees*) được sử dụng như một trường hợp nghiên cứu nhằm làm rõ những biểu hiện bản thể của cộng đồng di dân Việt trong mối liên hệ với chấn thương chiến tranh và hậu chiến.

Tuy nhiên, nếu các nghiên cứu trước đây thường tập trung vào khía cạnh xã hội học của kí ức tập thể thì đời sống tâm lí cá nhân của người di dân, nơi chịu sự chi phối mạnh mẽ của các cơ chế vô thức vẫn là một vùng đất chưa được khai phá triệt để. Trên cơ sở kết hợp quan điểm về tình thế di dân và nền tảng lí luận *Phân tâm học*, bài viết đề xuất hướng tiếp cận đi sâu vào cơ chế vận hành tâm lí cá nhân thông qua khái niệm “cơ chế phòng vệ” (defense mechanisms). Bài viết lập luận rằng các xung năng bản năng trong *Người tị nạn* không phải là biểu hiện của sự hoang dã hay thấp kém mà là những chiến lược tâm lí phức tạp giúp bảo vệ cái tôi (ego) trước nguy cơ tan rã bởi chấn thương. Thông qua việc phân tích các cơ chế như dồn nén, thăng hoa và phóng chiếu, nghiên cứu sẽ làm sáng tỏ hành trình tái cấu trúc bản thể đầy đau đớn nhưng cũng đầy kiên cường của con người trong thời đại toàn cầu hóa.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bản năng sinh tồn và khát vọng sự sống

Trong cấu trúc các xung năng vô thức của con người, bản năng sinh tồn là nguồn năng lượng nguyên sơ và dai dẳng bậc nhất, gắn với nhu cầu tự nhiên bảo toàn sự sống của chủ thể. Ở cấp độ tâm lí, đó không chỉ là phản xạ tránh né nguy hiểm về mặt sinh học mà còn là khao khát bám víu vào đời sống, từ chối bị cuốn trôi bởi những chấn thương, mất mát. Nhiều nghiên cứu tâm lí học và triết học đều gặp nhau ở nhận định: càng bị dồn tới các tình thế biên giới, nơi lằn ranh sinh tử trở nên mong manh, con người càng buộc phải huy động đến

tận cùng không chỉ thể lực mà cả nội lực tinh thần để tiếp tục tồn tại. Chính trong những hoàn cảnh ngặt nghèo ấy, bản năng sinh tồn mới hiện hình rõ nét như một lực đẩy âm thầm nhưng bền bỉ bên dưới mọi lựa chọn, mọi im lặng và cả những đổ vỡ.

Nếu tiếp cận *Người tị nạn* từ khung đọc đó, có thể thấy thế giới truyện ngắn của Nguyễn Thanh Việt kiến tạo một hệ hình sinh tồn nhiều tầng, trong đó bản năng sống không chỉ biểu hiện ở hành vi thoát hiểm về thân xác mà còn ở cuộc đấu tranh kiên nhẫn nhằm giữ gìn tính toàn vẹn tinh thần trong bối cảnh hậu chiến và lưu vong. Những nhân vật của ông phải học cách sống tiếp với kí ức vượt biên, với cái chết, với ám ảnh tội lỗi và đứt gãy căn cước, bản năng sinh tồn vì thế vừa là phản xạ tự vệ, vừa là điểm xuất phát cho hành trình thương thuyết với chấn thương. Truyện *Những người đàn bà mất đen* là minh họa điển hình cho bản năng sinh tồn của người tị nạn nơi nhân vật nữ chính sống sót qua chuyến vượt biên nhờ người anh bảo vệ. Tuy nhiên, cú sốc bị cưỡng hiếp và cái chết của người anh đã khiến cô chìm vào im lặng, sống như một cái bóng giữa cõi dương và cõi âm. Hình ảnh gia đình “không ai trong chúng tôi thốt ra một tiếng nào về chuyện này” (Nguyen, 2018, p.33) cho thấy họ đã chọn sinh tồn bằng cách khóa miệng, kìm nén nỗi đau. Nhân vật sống nhưng tâm hồn đã chết, điều được làm rõ qua đoạn thoại với hồn ma người anh: “Mày cũng chết rồi... Có điều mày không biết thôi” (Nguyen, 2018, p.34). Hình tượng hồn ma ở đây không chỉ là yếu tố hiện thực huyền ảo mà còn tượng trưng cho kí ức bị thương không thể cắt lìa, khiến người sống mãi bị ám ảnh. Tuy nhiên, nhân vật đã dần giải phóng khỏi mặc cảm khi dám kể lại câu chuyện của mình. Việc cô từ bỏ nghề viết thuê để viết tự truyện chính là hành vi tái thiết bản ngã, minh chứng cho khát vọng được sống đích thực, sống có tiếng nói và danh tính của riêng mình.

Nếu *Những người đàn bà mất đen* là bi kịch cá nhân thì truyện *Tổ quốc* mở rộng tầm nhìn sang cấu trúc gia đình. Nhân vật ông Lý - một người cha sống tại Việt Nam ôm nỗi ám ảnh quá khứ huy hoàng trước 1975 và cái mất không thể bù đắp khi gia đình đầu tiên di tản sang Mỹ. Cách ông đặt tên các con trong cuộc hôn nhân thứ hai giống hệt tên các con ở cuộc hôn nhân trước là biểu hiện rõ nét của một bản năng sinh tồn tinh thần: tái tạo quá khứ để chịu đựng hiện tại. Khi Vivien (Phương chị) trở về, ông Lý lập tức tìm cách phục dựng không gian và kí ức cũ như một phương thức níu giữ bản ngã. Câu nói “Đây giống Sài Gòn hồi xưa.” (Nguyen, 2018, p.192) trong khung cảnh một nhà hàng cho thấy ông bám víu vào thời quá vãng như chỗ dựa tồn tại. Trái lại, thế hệ kế tiếp - Phương “em” mang trong mình khát vọng sống hướng về tương lai. Cô lớn lên trong chiếc bóng kí ức của cha, luôn phải “sống cho cả phần của chị” và mang mặc cảm thua kém. Mong muốn “tới Mỹ, trở thành bác sĩ và giúp đỡ người ta” (Nguyen, 2018, p.205) thể hiện một khao khát mãnh liệt vượt khỏi đời sống tù túng. Tuy nhiên, giấc mộng ấy sụp đổ khi cô phát hiện chị gái không hề thành đạt như trong thư mà đang trốn chạy thất bại. Qua đó, Nguyễn Thanh Việt phơi bày bi kịch niềm tin hậu chiến: khát vọng sống của người trẻ mạnh mẽ nhưng dễ rạn vỡ khi va chạm thực tại. Câu chuyện cho thấy, chỉ khi các nhân vật dám đối diện sự thật từ bỏ huyền tưởng thì mới có thể sống đúng nghĩa. Mỗi người sinh tồn bằng một ảo ảnh riêng (cha hướng quá khứ, con

hướng tương lai) và chính sự va chạm giữa các ảo ảnh đó đã làm nổi bật chấn thương tinh thần chung của gia đình.

Nếu hai truyện trên đặt trọng tâm vào nhân vật người Việt thì *Người Mĩ* lại lựa chọn góc nhìn từ một cựu binh Mĩ để mở rộng chân dung sinh tồn và ám ảnh chiến tranh từ bên kia chiến tuyến. James Carver, cựu phi công B-52 là hình ảnh điển hình của bản năng sống nơi trận mạc: “Ông đã sống sót bằng cách tập trung vào mục tiêu của mình, vươn lên cao hơn, không chấp nhận sự yếm thế hay hoài nghi bản thân” (Nguyen, 2018, p.133). Nhưng để sinh tồn, ông đã tách mình khỏi cảm xúc ném bom như một thao tác kỹ thuật vô cảm. Cái nhìn của ông về Việt Nam từ độ cao cỡ mười hai cây số thể hiện sự xa cách với thực tại. Khi trở lại Quảng Trị cùng vợ và con gái, ông buộc phải nhìn cận cảnh những di chứng chiến tranh: “Tụi nó bị cụt... do chơi với bom bi” (Nguyen, 2018, p.139) và những khuôn mặt thất thần vì đói nghèo. Đỉnh điểm là khi Claire, con gái ông đối đầu trực tiếp, buộc ông phải chịu trách nhiệm cho hành động quá khứ. Cuộc tranh luận giữa hai cha con trở thành xung đột giữa hai thế hệ và hai thế giới đạo đức. Sau cơn mưa, khi ông khuyu xuống bùn và bật khóc, đó không chỉ là biểu hiện của yếu đuối mà còn là giây phút thanh lọc tâm hồn. Giọt nước mắt của Carver là tín hiệu cho thấy ông đã thực sự đối diện tội lỗi, thức tỉnh khỏi vỏ bọc vô cảm để chạm vào hiện thực. Hành trình ấy chính là khát vọng được sống thanh thản một khát vọng chỉ thành hình khi con người chấp nhận sự thật và gột rửa tội lỗi.

Từ ba truyện ngắn, Nguyễn Thanh Việt đã kiến tạo một hệ hình bản năng sinh tồn đa dạng nơi sự sống không dừng ở thoát hiểm vật lí mà còn bao gồm quá trình bền bỉ đấu tranh tinh thần. Dù là nhân vật nữ vượt biên, người cha ôm chặt kí ức hay cựu binh Mĩ chối bỏ trách nhiệm, tất cả đều đi qua hành trình đối diện nỗi đau để tìm kiếm một đời sống có ý nghĩa. Qua đó, nhà văn gửi gắm một thông điệp nhân văn sâu sắc, sự sống chỉ thực sự bắt đầu khi con người vượt qua nỗi sợ để chạm vào kí ức, từ đó tái thiết lại chính mình như một chủ thể toàn vẹn.

2.2. Bản năng tính dục và khát vọng yêu đương

Bản năng con người là chủ đề được tâm lí học, sinh lí học, xã hội học, triết học... quan tâm từ rất sớm và ngày càng được vận dụng trong nghiên cứu văn học. Trong *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây*, François Jullien (2004) xem bản tính con người gắn với sự sống và những ham muốn cơ bản nhất; bên cạnh ăn uống, bản năng tính dục là một nhu cầu tất yếu. Freud, từ nền tảng *Phân tâm học* chỉ ra cấu trúc vô thức - “cái ấy” như nơi cư trú của libido, nguồn năng lượng tính dục của bản năng sống, luôn đòi hỏi được thỏa mãn theo nguyên tắc khoái cảm. Nguyễn Tiến Dũng trong *Chủ nghĩa hiện sinh, lịch sử hiện diện ở Việt Nam* đã định nghĩa: “Bản năng là toàn bộ những xung lực được nảy sinh từ số lượng (quantum) sức mạnh sống bắt nguồn từ chiều sâu của cái nó thể xác. Mỗi một con người và cuộc sống của nó tùy thuộc vào hiệu lực và chất lượng của những bản năng” (Nguyen, 2006, p.81). Còn Nietzsche thì lại đề cao vai trò của bản năng, ông nói “thiên tài là ở bản năng. Lòng tốt cũng thế. Không có hành vi nào thiện hơn bản năng” (Nguyen, 2006, p.81). Điểm

gặp gỡ của các quan niệm này là bản năng, đặc biệt bản năng tính dục là động lực tự nhiên, tiên đạo đức; bản thân nó không xấu mà việc được kiểm chế hay thăng hoa mới quyết định ý nghĩa đạo đức.

Trong văn học thế kỉ XX, tính dục không chỉ là đề tài mà còn là một hệ quy chiếu, một trường biểu tượng góp phần tạo nghĩa cho văn bản. Tính dục vừa gắn với chức năng duy trì nòi giống, vừa là “chất xúc tác” làm tình yêu thăng hoa vì thế, bản năng tính dục trở thành một phương diện quan trọng để giải mã nhân vật và đời sống tinh thần của họ. Từ góc nhìn này, những cảnh huống và biểu hiện dục tính trong văn chương thường được đọc như một ngã đường đi vào vùng sâu thẳm của bản ngã, nơi phần “con” và phần “người” tương tác phức tạp. Trên nền ấy, *Người tội nạn* của Nguyễn Thanh Việt đặt tình yêu và tính dục như trường lực để truy vấn khát vọng bản năng của con người. Ở đây, libido được hiểu trước hết theo Freud là năng lượng tính dục của bản năng sống, cấp lực cho ham muốn và gắn kết; theo Jung là năng lượng tâm lí tổng quát nuôi dưỡng quá trình cá thể hóa, tình yêu là một năng lực cần rèn luyện gồm chăm sóc, trách nhiệm, tôn trọng và hiểu biết. Nhờ khung ba chiều này, trạng thái ham muốn trong *Người tội nạn* trải từ kín đáo đến trực diện, từ dị tính đến đồng tính, để thấy libido vừa soi đường tự trị vừa được đạo đức hóa bằng đồng thuận và trách nhiệm liên vị. Nói cách khác, bản năng không đối lập luân lí mà mở rộng biên độ đạo đức, dẫn chủ thể từ xấu hổ tới thừa nhận, từ phân mảnh tới tái cấu trúc bản ngã trong bối cảnh đứt gãy và lưu vong.

Trước hết, *Kẻ thứ ba* phác thảo quỹ đạo thức nhận dục vọng mang tính điển hình nơi nhân vật Liêm. Cú sốc văn hóa đầu tiên đến từ lời nhận xét trực diện của Parrish: “Nói thật,” sau cùng Parrish phát biểu “Tôi không ngờ trông cậu đẹp như vậy” (Nguyen, 2018, p.42). Ngay sau đó là lời công khai quan hệ với Marcus: “Tụi tôi là một cặp... Theo nghĩa lãng mạn” (Nguyen, 2018, p.46). Sự gọi tên thẳng thắn này đặt Liêm vốn quen với diễn ngôn Á Đông mang tính né tránh vào một hệ thống từ vựng đạo đức mới. Thân thể phản ứng nhanh hơn lí trí: “Lông tơ trên hai cánh tay và ở sau gáy cậu dựng đứng” (Nguyen, 2018, p.46). Sự va chạm cơ thể ngẫu nhiên với Marcus ở hành lang, khi “ánh mắt anh ta lấp lánh lần nữa trên thân thể Liêm” (Nguyen, 2018, p.54) trở thành bài học nhập môn về ngôn ngữ ân ái. Dục vọng làm trỗi dậy kí ức về những đêm “thủ dâm” tập thể ở Sài Gòn, một hành vi vừa mang tính bản năng vừa nhuốm màu xấu hổ: “Trong bóng tối, cậu nghe tiếng sột soạt của lớp màng khi những kẻ khác cũng đang thủ dâm... Cậu nghĩ cậu đã quên những đêm đó... nhưng bây giờ cậu tự hỏi liệu vết chúng có còn tồn tại trên những đường chỉ tay của cậu không” (Nguyen, 2018, p.47).

Trục ý niệm của truyện xoay quanh từ “candid”, một thuật ngữ mang tính lưỡng trị. Marcus giải thích nó vừa có nghĩa là “Chộp lén... bị ghi lại bất ngờ”, vừa là “người nào lương thiện và thẳng thắn” (Nguyen, 2018, p.61). Lời hồi đáp của Liêm “Tôi muốn là người chộp lén” (Nguyen, 2018, p.61), đã vô thức hợp nhất hai ý nghĩa: cậu vừa muốn một đạo đức của sự thẳng thắn, vừa thừa nhận bản chất bất ngờ của ham muốn. Đây không chỉ là giải phóng

tính dục mà là một bước ngoặt trong quá trình cá thể hóa. Bằng cách thừa nhận ham muốn, Liêm đang đối diện với “cái bóng” của mình, tách khỏi vô thức tập thể và những mặc cảm cũ để kiến tạo bản ngã tự chủ. Cảnh Liêm đứng soi mình trước khung kính: “Khi cậu giơ tay lên, ảnh phản chiếu của cậu cũng giơ tay... Rồi, sao cậu không nhận ra mình? Và tại sao cậu lại nhìn xuyên qua chính mình ra con phố tối đen bên ngoài?” (Nguyen, 2018, pp.66-67), chính là một ẩn dụ thị giác cho sự hội nhập bản ngã còn dang dở nơi tính dục đối thoại trực tiếp với kí ức gia đình và cái nhìn cộng đồng.

Từ nền tảng thừa nhận ham muốn đó, các nhân vật nữ trong tập truyện nổi lên như những chủ thể dục năng có ý thức, chuyển hóa libido thành một đạo đức học chăm sóc rất gần với quan điểm của Fromm. Trong *Vụ ghép tạng*, Norma tái thiết đời sống ái ân với Arthur không phải bằng khoái cảm trực tiếp mà bằng một kỉ luật của sự chăm nom, minh chứng cho sự trở về của bà: “Norma im lặng một lúc lâu, nhưng khi bà ngồi xuống, ông biết rằng bà đã chấp nhận giúp ông trong lúc bệnh tật” (Nguyen, 2018, p.75). Tình yêu của họ trở thành không gian nâng đỡ thân phận mong manh sau đổ vỡ. Cùng mạch thăng hoa này *I'd Love You to Want Me (Anh thích em muốn anh)* đẩy libido vào tương tác cực hạn với sự suy giảm nhận thức. Khi vô thức ái tình của giáo sư Khánh trời lên qua tiếng gọi nhằm “Yến”, bà Sa không đáp trả bằng ghen tuông mà bằng một nghệ thuật yêu đầy nhẫn nại. Bà kiến tạo một trật tự vật chất để bảo toàn nhân dạng cho chồng: “Bà đánh dấu hương đi từ giường tới phòng tắm bằng băng keo màu vàng dạ quang... và trên bức tường đối diện phòng vệ sinh bà dán một bảng nhỏ ngang tầm mắt ghi chữ Nhớ Giặt Nước” (Nguyen, 2018, p.106). Hành động thăng hoa tột đỉnh của libido là khi bà chấp nhận từ bỏ chính tên gọi của mình, biểu tượng cơ bản của bản ngã để bước vào thế giới của chồng: “Em đây mà,” bà nói: “Yến đây” (Nguyen, 2018, p.122). Libido ở đây được chuyển hóa thành sự gần gũi bền bỉ, khẳng định năng lực duy trì mối liên kết ngay cả khi kí ức cá nhân đã tan rã.

Đối chứng với hai quỹ đạo điều hòa trên, *Một ai đó khác ngoài bạn* phơi bày sự bề trệch của bản năng khi nó lai ghép với quyền lực gia trưởng. Người cha áp đặt một chuẩn nam tính độc đoán, biến libido thành kỉ luật thân thể và ám ảnh nỗi dối: “Chúng tôi hít đất với đứa em gái nhỏ ngồi trên lưng, và tập nằm rồi ngồi bật dậy với cuốn từ điển Webster trên ngực” (Nguyen, 2018, p.160). Bạo lực là diễn ngôn thống trị của ông, từ việc “đắm thêm vào cổ họng” (Nguyen, 2018, p.166) người hàng xóm đến hành vi phá hoại mang tính biểu tượng tột độ khi ham muốn về một dòng dõi (thông qua Sam) bị thất bại. Hành động “thọc mạnh con dao vào bánh xe” và ném đá vào chiếc xe của Sam là sự bùng nổ của một libido bị biến dạng, trượt từ ham muốn sáng tạo (sinh sản) sang hủy diệt. Đối diện với áp lực đó, Sam khẳng định quyền tự chủ sinh nở, còn Mimi duy trì thế cân bằng quyền lực một cách tinh táo. Tác phẩm vạch ra lần ranh đạo đức của dục năng: thiếu tôn trọng và đồng thuận, ham muốn dễ dàng biến dạng thành tổn thương liên vị.

Ba văn bản này, vì vậy tạo thành một trục phát triển thống nhất. Kẻ thứ ba thiết lập đạo đức của sự thăng thần và đồng thuận, hợp thức hóa quyền được ham muốn của chủ thể

di dân. *Vụ ghép tạng* và *I'd Love You to Want Me (Anh thích em muốn anh)* mở rộng đạo đức đó sang bình diện chăm sóc và gìn giữ, thăng hoa dục năng thành cam kết liên vị bền bỉ. *Một ai đó khác ngoài bạn* đóng vai trò đối chứng, cảnh báo về sự tha hóa của libido khi tách khỏi đồng thuận và tôn trọng. Từ cấu trúc này, có thể thấy thế giới tự sự của Nguyễn Thanh Việt gợi mở một mỹ học bản năng mang tính cân bằng và liên đới. Trong *Người tị nạn*, libido không được đặt trong thế đối lập đạo lý; thay vào đó, Nguyễn Thanh Việt cho thấy ham muốn có thể trở thành một nguồn lực giúp chủ thể di dân tái cấu hình phẩm giá trong lưu vong. Đối diện với đứt gãy, bản năng không chỉ là đòi hỏi của xác thịt mà là một la bàn đạo đức. Nó giúp nhân vật định vị lại phẩm giá dù là qua việc thừa nhận một ham muốn mới (Liên) hay qua hành động chăm sóc kiên nhẫn (Norma, Sa). Cuối cùng, chính năng lượng tâm lý này dù biểu hiện là tính dục hay tình yêu đã trở thành động lực để họ tiếp tục sống và kiến tạo lại “tổ ấm” trong cảnh lưu đày.

2.3. Bản năng bạo lực và sự chiếm hữu

Theo lý thuyết *Phân tâm học* cổ điển, con người song hành hai bản năng đối lập: bản năng gây hấn (hung tính) và bản năng gắn kết (Eros). Sigmund Freud cho rằng bản năng gây hấn là một xung lực sơ khai mang tính phản xã hội, đối nghịch với bản năng sống và yêu thương; toàn bộ văn minh nhân loại là cuộc đấu tranh không ngừng giữa xung năng bạo lực (bản năng chết) và xung năng gắn kết (bản năng sống) của con người. Mặc dù bạo lực thường được hiểu là hành vi tấn công thể xác, trên bình diện xã hội nó còn bao hàm cả những hình thức bạo lực biểu tượng, chẳng hạn như ngôn ngữ và diễn ngôn dùng để hợp thức hóa hành vi hung ác hoặc che khuất chủ thể gây ra bạo lực. Trên nền tảng lý thuyết đó, Nguyễn Thanh Việt đã xây dựng trong thế giới truyện ngắn của mình một cấu trúc nhiều tầng về bạo lực gồm hành vi cưỡng chế trực tiếp, diễn ngôn hợp thức hóa bạo lực và trường cảm xúc nuôi dưỡng ý chí chiếm hữu, đồng thời đối trọng với nó là những quan hệ chăm nom đạo đức chất vấn và chuyển hóa bạo lực.

Trước hết, trong truyện *Một ai đó khác ngoài bạn*, bạo lực gia trưởng được miêu tả qua một chuỗi hành vi cố ý nhằm tái khẳng định quyền sở hữu. Người cha không dừng ở lời quát “Tắt đèn đi” mà còn trút cơn giận dữ lên đồ vật thay vì thân thể vợ con, ông rút dao đâm mạnh vào lốp xe “cho đến khi vết rạch dài cả tấc” (Nguyen, 2018, p.175) rồi ném đá làm “kính chắn gió rạn nứt”, những vật dụng gắn liền với người vợ đã trở thành vật thể thân để người chồng trừng phạt, qua đó bạo lực gia trưởng được “hợp thức hóa” thành cái quyền được trừng phạt kẻ thuộc sở hữu của mình. Cùng với hành động, người cha còn tự biện hộ bằng lời lẽ chắc nịch: “Áy là vì ba tin vào mọi việc ba làm” (Nguyen, 2018, p.176). Trong khi đó, nhân vật người con trai lại đứng về phía đạo đức đối nghịch. Đối diện với Sam - người vợ cũ đang mang thai, anh ba lần nghẹn ngào “Anh có thể làm cha” (Nguyen, 2018, p.183). Lời hứa đầy tính chăm sóc này hoàn toàn khác với ngôn ngữ trừng phạt của người cha thể hiện mong muốn chia sẻ trách nhiệm thay vì chiếm hữu. Sự đối lập giữa hai cha con cho thấy tác giả không chỉ lên án hành vi bạo lực thể xác mà còn phân tích tâm lý và ngôn

ngữ nuôi dưỡng bạo lực ấy, đồng thời chỉ ra lối thoát khả dĩ nhằm chuyển hóa năng lượng chiếm hữu thành tinh thần trách nhiệm và yêu thương liên nhân.

Tiếp theo, truyện *Người Mĩ* đào sâu bạo lực trên bình diện diễn ngôn và những triệu chứng thân thể gắn liền với kí ức chiến tranh. Nhân vật Carver, một cựu phi công B-52 luôn hợp thức hóa hành vi ném bom của mình bằng thứ ngôn ngữ kĩ trị và luận điệu “cứu hộ”: ông lí giải rằng cần thiết phải “đánh kẻ địch từ trên cao để cứu sinh mạng của những bạn bè người Mĩ ở dưới thấp” (Nguyen, 2018, p.145) và thậm chí tin rằng “Chúa là phi công phụ” của mình. Đồng thời, trải nghiệm ném bom tầm cao của ông được gắn với một thẩm mỹ khoảng cách vô cảm, nơi “hầu như mọi thứ nhìn từ xa đều đẹp” (Nguyen, 2018, p.137). Ngôn ngữ kĩ thuật và lối nói trừu tượng này đã xóa mờ chủ thể gây bạo lực cũng như hậu quả thực tế của nó. Đặt song song với đó, truyện *Người Mĩ* còn xây dựng khung cảnh lớp học của Claire (con gái Carver) như một ẩn dụ phê phán ngôn ngữ: trên bảng đen, cô viết tiêu đề “The Passive Voice” cùng các ví dụ “my bicycle was stolen” và “mistakes were made” (Nguyen, 2018, p.134). Cú pháp bị động này chính là hình thức bạo lực biểu tượng, khi chủ ngữ gây hành động bị ẩn đi, dời trọng tâm sang kết quả “tự xảy ra” như thể không có ai chịu trách nhiệm. Khi ngôn từ được cố ý dùng để che đậy sự thật, chính cơ thể sẽ lên tiếng phơi bày sự thật ấy. Thật vậy, Carver đã phải trả giá thân thể cho những chấn thương bị dồn nén: vừa đặt chân đến Quảng Trị, ông lún sâu trong cơn mưa bùn đất và ngay tối đó lên cơn sốt cao, bị chẩn đoán viêm phổi. Cơn sốt khiến Carver rơi vào cơn ác mộng lái máy bay: ông thấy mình lạc trong “một chiếc máy bay tối om” không một ai cầm lái, trôi bồng bềnh giữa những hành khách vô thức. Hình ảnh buồng lái trống trong mơ chính là biểu tượng cho khoảnh khắc mất phương hướng đạo đức của người lính già. Cuối cùng, chính đạo đức chăm nom đời thường đã kéo Carver trở lại thực tại. Sự ân cần của Michiko và Claire từ việc khai nước, kê li sát môi cho ông uống đến việc kiên nhẫn đợi ông từng bước đọc hành lang bệnh viện đã giúp Carver dần trút bỏ lớp phòng vệ hung hãn. Ở đoạn kết truyện, Carver lặng lẽ ngắm nhìn bầu trời đêm đầy sao trên đất nước từng là “địch thù” thay vì phản ứng tức tối hay phòng vệ. Khoảnh khắc lặng lẽ này cho thấy hung tính đã bắt đầu được giải độc, nhường chỗ cho sự chiêm nghiệm và hồi sinh năng lực tự chủ đạo đức của nhân vật.

Tóm lại, qua hai lát cắt phân tích trên, có thể thấy trong thế giới tự sự của Nguyễn Thanh Việt, bạo lực không phải một sự kiện đơn lẻ hay bản năng bất biến, mà được kiến tạo thành cấu trúc nhiều tầng gắn với hành vi thể xác, diễn ngôn hợp thức hóa và cảm xúc chiếm hữu. Đồng thời, cấu trúc bạo lực ấy luôn bị chất vấn, giải thiêng và tái cấu hình bởi những mối quan hệ đạo đức và chăm nom giữa người với người. *Một ai đó khác ngoài bạn* phơi bày cơ chế bạo lực của quyền lực gia trưởng thông qua hành vi trừng phạt vật thể thân, nhưng song song đó mở ra một trục giá trị thay thế dựa trên cam kết yêu thương và chia sẻ trách nhiệm. *Người Mĩ* vạch trần sự nguy hiểm của ngôn ngữ kĩ trị và lối nói bị động trong việc che giấu tội lỗi chiến tranh, đồng thời đề cao những cử chỉ chăm sóc cụ thể có khả năng chuyển hóa hung tính và phục hồi nhân tính. Như vậy, nhìn dưới góc độ *Phân tâm học* xung

năng bạo lực không phải định mệnh bất di dịch mà có thể được chuyển hóa nhờ ngôn ngữ trách nhiệm, kỉ luật cảm xúc và tình người. Tiến trình ấy không chỉ tái định nghĩa quyền lực và sở hữu dưới ánh sáng của trách nhiệm đạo đức, mà còn gắn liền với chủ đề trung tâm của tập truyện: sau tổn thương và bạo lực, con người chỉ có thể sống sót thực sự khi biết cách phục hồi nhân tính và phẩm giá của mình.

3. Kết luận

Người tị nạn không chỉ là một bản tường thuật về cảnh lưu vong mà còn là một cấu trúc tư tưởng về khát vọng bản năng của con người trong trạng thái bị lịch sử và kí ức phân hóa. Nguyễn Thanh Việt kiến tạo một tam giác động lực gồm sinh tồn, tính dục và bạo lực; ba trục không tồn tại tách biệt mà vận hành như một hệ sinh thái tâm lí, luôn va đập, hiệu chỉnh và chiếu rọi lẫn nhau, từ đó tạo nên trạng thái “cân bằng động” giữa Eros và Thanatos trong đời sống hậu chấn thương. Ở trục sinh tồn, “sống sót” được nâng nghĩa không còn được hiểu đơn thuần như sự tiếp diễn của sự sống thể xác, mà còn là một quá trình lao động kí ức và thực hành kỉ luật cảm xúc nhằm bảo toàn bản ngã. Nhân vật chỉ đi từ tồn tại sang sống khi dám mở khóa còi nhớ, nói lại điều không thể nói và tự trao quyền kể chuyện cho chính mình. Ở trục tính dục, libido được đưa ra khỏi quy giản sinh học và được đạo đức hóa bằng đồng thuận, chăm nom và trách nhiệm liên vị; ham muốn vì vậy trở thành năng lực gắn kết và tái thiết phẩm giá. Ở trục bạo lực, văn bản đồng thời phơi bày hành vi cưỡng chế và cơ chế biện minh bằng diễn ngôn rồi “giải độc” chúng bằng ngôn ngữ có trách nhiệm và những cử chỉ chăm sóc cụ thể qua đó trả lại vị trí cho chủ thể trách nhiệm.

Đóng góp cốt lõi của tập truyện là di chuyển trọng tâm đọc từ bề mặt biến cố sang cơ chế vận hành của bản năng trong ngôn ngữ và kí ức. Ngôn ngữ có thể che phủ hoặc khai sáng trách nhiệm. Kí ức có thể neo giữ hoặc giải phóng chấn thương. Kỉ luật cảm xúc có thể bó hẹp hoặc mở ra một đạo đức của hồi tưởng. Khi được gọi đúng tên và đặt dưới khung trách nhiệm, bản năng không đối kháng văn minh mà trở thành nguồn lực đạo đức giúp chủ thể vượt qua ám ảnh, tái cấu hình căn cước và khẳng định phẩm giá. Từ toàn bộ cấu trúc đó, có thể kết tinh một mệnh đề trung tâm: con người chỉ thực sự sống khi dũng cảm đi qua kí ức để chuyển hóa nỗi đau thành trách nhiệm với bản thân và với người khác. *Người tị nạn* vì thế mở một đối thoại liên ngành giữa *Phân tâm học*, nghiên cứu di dân và đạo đức học của ngôn ngữ, đồng thời đề xuất một chuẩn mực tiếp nhận văn chương chấn thương: không chỉ lưu giữ chứng tích mà còn trao lại cho nhân vật năng lực định vị, thương thuyết và tái thiết đời sống sau đổ vỡ.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Jullien, F. (2004). *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây* [Eastern wisdom and Western philosophy] (H. N. Hien & L. H. Khoa, Eds.). Da Nang Publishing House.
- Nguyen, H. A. (2024). Hoài niệm và căn tính của cộng đồng di dân Việt Nam trong tác phẩm của Viet Thanh Nguyen [Nostalgia and identity of the Vietnamese diaspora community in the works of Viet Thanh Nguyen]. *Hanoi National University of Education Journal of Science*, 69(1), 64–74. <http://doi.org/10.18173/2354-1067.2024-0007>
- Nguyen, H. A. (2025). *Tác phẩm của Viet Thanh Nguyen về chiến tranh Việt Nam dưới góc nhìn căn tính* [Viet Thanh Nguyen's works on the Vietnam War from the perspective of identity]. Ho Chi Minh City University of Education Publishing House.
- Nguyen, T. D. (2006). *Chủ nghĩa hiện sinh: Lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam* [Existentialism and the history of its presence in Vietnam]. Ho Chi Minh City General Publishing House.
- Nguyen, V. T. (2018). *Người tị nạn* [The Refugees] (P. V. Phuong, Trans.). Writers' Association Publishing House & Phuong Nam Book.
- Tran, L. H. T. (2019). *Văn học di dân: Phác thảo diện mạo nữ nhà văn Việt Nam tại Hoa Kỳ* [Diasporic literature: An outline of Vietnamese women writers in the United States]. Women's Publishing House.
- Thu Vu (2021). Văn học của người Việt ở hải ngoại: Tình thế của văn chương di dân [Literature of Vietnamese overseas: The situation of diasporic literature]. *Van nghe Quan doi online*. http://vannghequandoi.com.vn/binh-luan-van-nghe/van-hoc-cua-nguoi-viet-o-hai-ngoai-tinh-the-cua-van-chuong-di-dan_12823.html

INSTINCTIVE ASPIRATIONS IN NGUYỄN THANH VIỆT'S THE REFUGEES

Phan Nguyen Hoai Bao

Saigon University, Vietnam

Corresponding author: Phan Nguyen Hoai Bao – Email: phng.hoaibao0211@gmail.com

Received: November 04, 2025; Revised: January 22, 2026; Accepted: February 03, 2026

ABSTRACT

*This article examines instinctive aspirations in Nguyễn Thanh Việt's short story collection *The Refugees* through its narrative details and depictions of the lived experience of Vietnamese migrants. From the instinct for survival to sexual desire and expressions of violence, the work portrays individuals marked by war and displacement who are constantly torn between trauma and the will to live. Through characters of different ages and life circumstances, Nguyễn Thanh Việt shows that instinct is not merely a blind impulse but a source of strength that enables people to confront the shadows of war and rebuild their lives. The study argues that instinctive aspiration becomes a foundation for the characters to recover their dignity and restore emotional resilience in the context of exile.*

Keywords: instinctive aspiration; migrant literature; Nguyễn Thanh Việt; *The Refugees*